

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2022/DS-PT
Ngày: 03 - 8- 2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Lạc

Các Thẩm phán: Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc
Ông Nguyễn Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhơn – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Lữ Thị Tuyết Lan
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 6 năm
2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2022/DSST ngày 26 tháng 4 năm 2022 của
Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 157/2022/QĐPT-DS
ngày 29 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 210/2022/QĐ – PT
ngày 21 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Huỳnh N – sinh năm: 1964

Địa chỉ: khóm 2 Thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: 1. Bà Nguyễn Thị Đ – sinh năm: 1961

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ: Phạm Hoài Duy T

Địa chỉ: 39/5 khóm 5 thị trấn L, huyện H, tỉnh Vĩnh Long. Theo giấy ủy quyền ngày 08/6/2022.

2. Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1954

Cùng địa chỉ: khóm 4 Thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Mai Trung Th, sinh năm 1957.

Địa chỉ: khóm 2 Thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long

- *Người kháng cáo: nguyên đơn Nguyễn Thị Huỳnh N*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:

Nguyên bà Nguyễn Thị Đ là chủ hội, bà Đ có rủ bà chơi hội ngày. Vào ngày 28/6/2020 âm lịch nhằm ngày 17/8/2020 dương lịch, bà Đ có mở 02 dây hội một ngày, với số tiền là 200.000 đồng/phần/ngày, cụ thể:

+ Dây hội thứ nhất, hội ngày 200.000 đồng/phần/ngày. Hội bắt đầu khai ngày 28/6/2020 âm lịch nhằm ngày 17/8/2020 dương lịch, dây hội có 41 phần, bà tham gia chơi 10 phần/ngày. Dây hội này đã kết thúc và thanh toán tiền xong.

+ Dây hội thứ hai, hội ngày 200.000 đồng/phần/ngày, tiền huê hồng cho đầu thảo là 50%/phần (tức 100.000 đồng/phần), dây hội có 45 phần, hội bắt đầu khai ngày 28/6/2020 âm lịch nhằm ngày 17/8/2020 dương lịch, bà tham gia chơi 10 phần/ngày, bà đã đóng hội cho bà Đào là 54 ngày, dư 9 ngày (lý do chủ hội không giao giấy hội cho hội viên nhưng chủ hội có giao kèo bằng miệng là hội viên đóng bao nhiêu ngày thì chủ hội sẽ giao tiền bao nhiêu ngày hội chết cho hội viên). Cụ thể:

+ Ba ngày đầu, hội kêu 20.000 đồng, đóng 180.000 đồng/phần/ngày x 10 phần = 1.800.000 đồng/10 phần/ngày x 3 ngày = 5.400.000 đồng.

+ 51 ngày tiếp theo, hội kêu 10.000 đồng, đóng 190.000 đồng/phần/ngày x 10 phần = 1.900.000 đồng/10 phần/ngày x 51 ngày = 96.900.000 đồng.

Tổng cộng bà đã đóng cho bà Đào 54 ngày với số tiền 102.300.000 đồng. Tính giá hội chết 200.000 đồng/phần/ngày x 10 phần x 54 ngày = 108.000.000 đồng. Trừ tiền hoa hồng cho đầu thảo mỗi phần là 100.000 đồng x 10 phần = 1.000.000 đồng.

Như vậy sau khi trừ huê hồng, bà Đ phải giao cho bà số tiền hội tổng cộng là 107.000.000 đồng nhưng bà Đ không giao mà cứ nói “đã giao rồi”.

Theo “Giấy biên nhận” ngày 27/10/2020 mà bà Đ cung cấp thì bà thừa nhận là bà có ủy quyền cho ông là Mai Trung Th nhận tiền hội sống của các dây hội sống khác, chữ ký và chữ viết tên trong biên nhận là chữ ký và chữ viết tên Mai Trung Th nhưng không phải dây hội ngày thứ hai, hội chết. Dây hội ngày thứ hai, hội chết thì bà Đ chưa thanh toán tiền hội cho bà.

Nay bà Như yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ cùng ông Lê Văn Tr phải chịu trách nhiệm trả đủ cho bà số tiền hội 107.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Giữa bà với bà N có giao dịch hội với nhau, bà là chủ hội và bà N là hội viên trong dây hội ngày thứ nhất mệnh giá 200.000 đồng/phần/ngày, khai ngày 28/6/2020 âm lịch nhằm ngày 17/8/2020 dương lịch, hội có 41 phần, bà N chơi 10 phần, hội đã mãn, bà đã thanh toán tiền hội cho bà N xong.

Ngoài ra bà đã thanh toán toàn bộ tiền hội sống ở tất cả các dây hội mà bà N tham gia cho bà N xong theo “giấy biên nhận” ngày 27/10/2020, hai bên không còn liên quan gì nhau về khoản tiền hội nào nữa hết. Khi thanh toán tiền hội thì bà giao tiền cho ông Mai Trung Th là chồng của bà N, được bà N ủy quyền để nhận tiền hội, ông Th đã nhận số tiền 53.000.000 đồng + 43.000.000 đồng (bao gồm hội ngày, hội nửa tháng và hội tháng) và ký tên ghi họ tên vào biên nhận.

Riêng dây hội ngày thứ hai mệnh giá 200.000 đồng/phần/ngày, khai ngày 28/6/2020 âm lịch nhằm ngày 17/8/2020 dương lịch, hội có 45 phần thì bà N không có tham gia, bà không thừa nhận lời trình bày của bà N về dây hội này. Vì vậy, bà N yêu cầu bà và ông Tr trả 107.000.000 đồng tiền hội thì bà không đồng ý.

Tại bản khai ý kiến ngày 13/4/2021 bị đơn ông Lê Văn Tr trình bày: ông và bà Nguyễn Thị Đ là vợ chồng. Việc vợ ông và bà Nguyễn Thị Huỳnh N giao dịch hội với nhau như thế nào thì ông không biết. Tiền huê hồng khi làm chủ hội có được thì bà Đ sử dụng vào việc gì ông hoàn toàn không biết vì ông có vườn, có ruộng để canh tác, có thu nhập riêng và nguồn tiền thu nhập của ông có được cũng đưa cho vợ. Nói tóm lại các khoản kinh tế, tài chính trong nhà do vợ ông quản lý để lo cho gia đình. Do đó theo yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu ông cùng bà Nguyễn Thị Đ liên đới trả cho bà N số tiền 107.000.000 đồng thì ông không đồng ý. Vì ông hoàn toàn không biết việc hai bên giao dịch hội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mai Trung Th trình bày: “Giấy biên nhận” ngày 27/10/2020 mà bà Đ cung cấp thì ông thừa nhận có nhận ủy quyền

của bà N để nhận tiền hội sống của các dây hội sống khác. Phần tiền hốt hội ngày 28/6/2020 âm lịch mà bà N đóng cho bà Đào 54 ngày thì bà Đ chưa giao cho bà N, ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà N, ông không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án, việc tranh chấp giữa bà N và bà Đ hai bên tự giải quyết với nhau, không liên quan đến ông.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DSST ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 9/12/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huỳnh N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn Tr liên đới trả cho bà số tiền hội là 107.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 06/5/2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh N có đơn kháng cáo với nội dung: yêu cầu buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Đ cùng ông Lê Văn Tr phải giao số tiền hội tổng cộng 107.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Huỳnh N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện của bị đơn có ý kiến: không đồng ý như kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Huỳnh N là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: Bà N có tham gia chơi hội do bà Nguyễn Thị Đ làm đầu thảo. Ngày

28/6/2020 âm lịch nhằm ngày 17/8/2020 dương lịch, bà Đ có mở nhiều dây hội ngày, mệnh giá 200.000 đồng/phần/ngày. Bà N cho rằng bà N có tham gia 02 dây, mỗi dây 10 phần. Dây hội thứ nhất có 41 phần, hội đã kết thúc và thanh toán tiền xong, không có tranh chấp. Riêng dây hội thứ hai có 45 phần, bà N đã đóng hội sống cho bà Đ 54 ngày (dư 09 ngày) tổng số tiền 102.300.000đ, hội đã mãn, sau khi trừ huê hồng 100.000đ/phần số tiền hốt được là 107.000.000đ nhưng bà Đ chưa giao tiền hội cho bà N nên bà N khởi kiện yêu cầu bà Đ, ông Trảng giao cho bà N số tiền 107.000.000đ. Bà N có cung cấp giấy xác nhận hội ngày (200.000đ) ngày 28/6/2020, đã đóng 54 lần, có chữ ký chủ hội là bà Nguyễn Thị Đ. Bị đơn bà Đ xác định hội ngày mệnh giá 200.000đ/phần mở ngày 28/6/2020 âm lịch nhằm ngày 17/8/2020 dương lịch bà N chỉ tham gia 01 dây, hội có 41 phần, bà Như tham gia 10 phần, hội đã mãn, bà Đào đã thanh toán xong cho bà N. Riêng dây hội ngày mệnh giá 200.000 đồng/phần, khai cùng ngày 28/6/2020 (âm lịch) có 45 phần thì bà N không có tham gia, nên bà Đ không đồng ý yêu cầu của bà N.

Tại kết luận giám định số 35/KLGD-PC09 ngày 18/02/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long về giấy xác nhận hội ngày (200.000đ) ngày 28/6/2020 đóng 54 lần, kết luận: có dấu tẩy xóa tại chữ số “6” và chữ đóng “54” lần của nội dung “ Ngày 28/6 A61/2020 đóng 54 lần” ở mặt sau trên tài liệu giám định ký hiệu A. Nội dung trước khi tẩy xóa tại vị trí số “6” là số “7” và tại vị trí chữ “đóng 54 lần” được xác định “có 52 phần”. Như vậy, có căn cứ xác định giấy xác nhận hội ngày 200.000đ do bà Như cung cấp là dây hội khai ngày 28/7/2020, hội 52 phần, không phải dây hội khai ngày 28/6/2020 có 45 phần.

Theo “ giấy biên nhận” ngày 27/10/2020 có thể hiện nội dung: “Tôi (bà Đ) đã thối lại tất cả hội ngày, hội nửa tháng, hội tháng cho ông Mai Trung Th đầy đủ, kể từ hôm nay tôi (bà Đ) không còn liên quan dính dấp về hội hoặc tiền với ông Th và bà N nữa”. Bà N thừa nhận chữ ký và chữ viết tên trong biên nhận ngày 27/10/2020 là của ông Th theo ủy quyền của bà N. Bà N cho rằng tiền này là tiền của các dây hội khác nhưng ngoài lời trình bày thì bà N không có chứng cứ chứng minh là bà Đ còn nợ tiền hội 200.000 đồng/phần/ngày khai ngày 28/6/2020 âm, phía bà Đ không thừa nhận và tại thời điểm này thì dây hội ngày đang tranh chấp đã mãn. Tại cấp phúc thẩm, bà N có cung cấp 02 USB về ghi âm và quay video cuộc nói chuyện giữa bà Đ và bà N. Tuy nhiên nội dung các cuộc nói chuyện này không thể hiện bà Đ còn nợ tiền hội của bà N, do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N.

Bởi các lẽ trên:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Huỳnh N. Giữ nguyên án sơ thẩm. Bà N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 26/4/2022 Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử và tuyên án sơ thẩm. Ngày 06/5/2022 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh N có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 và được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm được qui định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh N khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn Tr trả số tiền hui 107.000.000đ mà bà N cho rằng bà chơi hui ngày 28/6/2020 do bà Đ làm chủ hui. Dây hui này gồm 45 phần bà N tham gia 10 phần và đã đóng được 54 ngày. Hui đã mãn nhưng bà Đ không giao tiền cho bà.

Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử. Không chấp chấp yêu cầu khởi kiện của bà N đối với số tiền hui 107.000.000 bà N yêu cầu phía bị đơn Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn Tr trả cho bà. Do không đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên bà N có kháng cáo.

Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh N:

Tại biên nhận ngày 27/10/2020 bị đơn bà Đ cung cấp trong đó có nội dung: “*tôi đã thối lại hui ngày, hui tháng, hui nửa tháng cho ông Mai Trung Th đầy đủ kể từ hôm nay tôi không còn liên quan dính dấp về hui hoặc tiền với ông Th và bà N nữa tôi không chịu trách nhiệm về các khiếu nại*” bà N ủy quyền cho ông Th và thừa nhận chữ ký và chữ viết tên trong biên nhận này là của ông Th. Bà N cho rằng biên nhận này là các dây hui khác nhưng bà N không đưa ra được căn cứ chứng minh cho lời trình bày của bà.

Tại cấp sơ thẩm bà Đ cũng có yêu cầu giám định nội dung tờ giấy mà bà N cung cấp có ghi: “hui ngày (200.000đ) Mở ngày 28/06/2020 gồm 45 phần chủ hui chị Đ (H 10 chung)” ở mặt sau tờ giấy có ghi nội dung: “Xác nhận hui ngày (200.000đ) Ngày 28/06/ 2020 đóng 54 lần ..., cuối ghi: ...(Thường gọi Đ vệt)”

nhận tiền” nội dung được viết bằng bút mực màu đen. Dưới mục “ Chủ hội” có chữ ký viết họ tên Nguyễn Thị Đ.

Tại kết luận giám định số: 35/KLGD-PC09 ngày 18/02/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long kết luận: có dấu vết tẩy xóa tại chữ số “6” và chữ “đóng 54 Lần” của nội dung “ ngày 28/06a1/2020 đóng 54 lần” ở mặt sau trên tài liệu cần giám định ký hiệu A. Nội dung trước khi bị tẩy xóa tại vị trí chữ số “6” được xác định là chữ số “7” và tại vị trí chữ “đóng 54 lần” được xác định là chữ “có 52 phần”. Do đó có căn cứ xác định giấy xác nhận hội ngày 200.000đ do bà N cung cấp là dây hội khui ngày 28/7/2020, hội 52 phần, không phải dây hội khui ngày 28/6/2020 có 45 phần.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh N có cung cấp 02 USB ghi âm và xác định nội dung ghi âm nộp cho Tòa án cấp phúc thẩm. Xét thấy qua đoạn ghi âm bà Như cung cấp cũng không chứng minh được bà có tham gia hội ngày 28/6/2020a1. Bà cũng không có chứng cứ để chứng minh bà có tham gia dây hội trên. Bị đơn bà Đ cũng không thừa nhận. Do đó kháng cáo của bà N không có căn cứ để chấp nhận.

Từ nhận định trên:

Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh N là không có căn cứ để chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Huỳnh N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Huỳnh N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2022/DSST ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 9/12/2019 của Chính phủ về họ, họ, hiệu, họ, họ.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huỳnh N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ và ông Lê Văn Tr liên đới trả cho bà số tiền hụi là 107.000.000 đồng.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ được khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ theo biên lai thu số 0007103 ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND huyện Mang Thít: 01;
- VKSND huyện Mang Thít: 01;
- Chi Cục THADS huyện Mang Thít: 01;
- Đương sự: mỗi người 01 bản;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Văn Lạc